TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: *02/2019/HNGĐ-ST*
Ngày: *05/7/2019*
V/v: *"Tranh chấp ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BÌNH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Kiệt
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Trọng Tình
2. Bà Nguyễn Thị Ái Loan

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Phương Dung – Cán bộ Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Phát - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 05/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019, về việc "*xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/6/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2019 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:***
Chị Trần Thị Kim K – Sinh năm: 1987 (có mặt)
Hộ khẩu thường trú và trú tại: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

**** Bị đơn:***
Anh Trịnh Anh D – Sinh năm: 1985 (vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng: Thôn M, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 15/2/2019 và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Kim K trình bày:

Chị và anh Trịnh Anh D tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, đến năm 2006 thì đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh

Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 89 ngày 24/10/2006. Qua quá trình chung sống anh chị có với nhau hai đứa con chung tên là Trịnh Trần Thu N – sinh ngày 15/8/2006 và Trịnh Trần Thu H – sinh ngày 02/6/2009.

Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D có người phụ nữ khác bên ngoài. Đến ngày 14/3/2016, anh D đã đi khỏi địa phương cho đến nay mặt dù chị có hỏi gia đình nhà chồng, bạn bè và đăng tin tìm kiếm nhưng vẫn không biết tin anh D ở đâu và làm gì. Bao năm qua, chị sống một mình và kiếm sống nuôi các con, anh D không có chu cấp gì. Nay, nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trịnh Anh D.

Về con chung: Có hai con chung tên Trịnh Trần Thu N – sinh ngày 15/8/2006 và Trịnh Trần Thu H – sinh ngày 02/6/2009. Sau khi ly hôn chị xin được quyền nuôi con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Chị K khai không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Trịnh Anh D vắng mặt tại địa phương, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng theo quy định, đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần (niêm yết công khai) nhưng vẫn không có thông tin gì. Do đó, Tòa án không tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/3/2019, các cháu Trịnh Trần Thu N – sinh ngày 15/8/2006 và Trịnh Trần Thu H – sinh ngày 02/6/2009 có nguyện vọng xin ở với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã chấp hành đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không có mặt tại địa phương nhưng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, công khai đảm bảo quyền lợi hợp pháp. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; về con chung: Giao con chung Trịnh Trần Thu N – sinh ngày 15/8/2006 và Trịnh Trần Thu H – sinh ngày 02/6/2009 cho chị Trần Thị Kim K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trịnh Anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con; về tài sản, nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình giải quyết, anh D không có mặt tại địa phương, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ lên tòa để hòa giải, nguyên đơn chị K có đơn yêu cầu về việc không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, anh D được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng anh D đều vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 175, khoản 5 Điều 177, Điều 179, khoản 03 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Dũng.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị K có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh D. Anh D có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại: Thôn M, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 01 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39, điểm đ khoản 4 Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Toà án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Kim K và anh Trịnh Anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 89 ngày 24/10/2006, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Qua lời trình bày của chị Trần Thị Kim K trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hôn nhân giữa chị và anh D trên cơ sở tự nguyện, cuộc sống gia đình thời gian đầu hạnh phúc, tuy nhiên đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D có người phụ nữ khác ở bên ngoài, từ đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Đến ngày 14/3/2016 thì anh D đi khỏi địa phương cho đến nay không có tin tức gì, mặc dù chị Kiên luôn hỏi gia đình nhà chồng, bạn bè và đăng tin tìm kiếm tại báo Công Lý các số 51 (1590) ngày 27/6/2018, 52 (1591) ngày 29/6/2018 và 53 (1592) ngày 04/7/2018 nhưng vẫn không biết anh D ở đâu và làm gì. Mặt khác, trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh D vẫn vắng mặt không đến tòa. Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 05/4/2019 tại nơi cư trú của nguyên đơn như sau: Hiện nay chị K và anh D đã sống ly thân, không còn ở chung, phần ai nấy lo làm ăn, mỗi người một ngã. Biên bản xác minh ngày 17/3/2019 tại Công an xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận xác nhận: Anh Trịnh Anh D có đăng ký hộ khẩu tại địa phương, hiện tại không có mặt, khi đi khỏi địa phương không có khai báo tạm vắng. Từ những cơ sở trên, đủ cơ sở xác định anh D không còn quan tâm đến chị K. Như vậy, mục đích hôn nhân của chị K và anh D không đạt được, cuộc sống chung không kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của chị K là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên căn cứ vào khoản 01 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K.

[4] *Về con chung:* Theo tài liệu giấy khai sinh và lời khai của chị K thì có hai con chung tên Trịnh Trần Thu N – sinh ngày 15/8/2006 và Trịnh Trần Thu H – sinh ngày 02/6/2009, sau khi ly hôn, chị K xin được quyền nuôi hết hai con. Để

đảm bảo quyền lợi mọi mặt cũng như bảo đảm sự phát triển toàn diện và cuộc sống ổn định cho cháu N, cháu H. Hiện tại, cháu N, cháu H đang sống với chị K và có nguyện vọng tiếp tục ở với chị K sau khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét giao hai cháu N và H cho chị K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét. Do đó, anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[5] Về tài sản, nợ chung: Chị K khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Kim K phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Thuận là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39; khoản 04 Điều 147; khoản 03 Điều 228 Bộ luật TTDS 2015;

Căn cứ vào khoản 01 Điều 51; khoản 01 Điều 56; Điều 57; Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Toà án năm 2016.

**** Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Kim Kiên.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Kim K được ly hôn với anh Trịnh Anh D.

1.2. *Về con chung:* Giao 02 (hai) con chung tên Trịnh Trần Thu N – sinh ngày 15/8/2006 và Trịnh Trần Thu H – sinh ngày 02/6/2009 cho chị Trần Thị Kim K trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trịnh Anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Trịnh Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2. *Về tài sản, nợ chung:* Chị K khai không có và không yêu cầu giải quyết.

3. *Về án phí:* Chị Trần Thị Kim K phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị K đã nộp theo biên lai thu tiền số 0021612 ngày 07/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Chị K đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*ngày 05/7/2019*). Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện P;*
- *Chi cục THA huyện P;*
- *Tòa án tỉnh Bình Thuận;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã T*

(GCNKH số: 89 ngày 24/10/2006*);*
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Trần Văn Kiệt